

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYỀN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2024

“V/v Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYỀN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Minh và ông Trần Xuân Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tuyền Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyền Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyền Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Đăng C, sinh năm 1990;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị C1, sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 22/3/2024, bản tự khai ngày 22/4/2024, nguyên đơn anh Ngô Đăng C trình bày: Anh và chị Đoàn Thị C1 yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/7/2013. Sau kết hôn, anh và chị C1 vào tỉnh Bình Dương sinh sống, làm ăn, được ba năm thì vợ chồng chuyển về quê nội tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng trầm trọng nhất vào năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên xung đột, cãi vã nhau. Chị C1 tự ý bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống từ năm 2018 và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên yêu cầu được ly hôn chị Đoàn Thị C1.

Về con chung: Anh và chị C1 có hai con chung tên là Ngô Đoàn Mạnh C2, sinh ngày 11/4/2014 (hiện đang sinh sống cùng tôi) và Ngô Đoàn Khánh P, sinh ngày

17/5/2018 (hiện đang sinh sống cùng chị C1). Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Đoàn Mạnh C2, giao con chung Ngô Đoàn Khánh P cho chị C1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị C1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Đoàn Thị C1: Trong các buổi làm việc và tại phiên tòa chị C1 đều vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 06/5/2024 gửi Tòa án, chị C1 nêu ý kiến như sau: Do bản thân đang làm việc xa, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên không thể trực tiếp đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án được, nên chị C1 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Về nội dung đơn ly hôn của anh C, chị C1 thừa nhận quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như anh C đã trình bày. Anh C yêu cầu ly hôn, chị nhất trí ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không còn tình cảm gì với nhau.

Về con chung: Chị C1 thừa nhận, chị và anh C có hai con chung tên là Ngô Đoàn Mạnh C2, sinh ngày 11/4/2014 (hiện đang sinh sống cùng anh C) và Ngô Đoàn Khánh P, sinh ngày 17/5/2018 (hiện đang sinh sống cùng chị C1). Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng), đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C1 thừa nhận, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Ngô Đăng C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Đoàn Thị C1 là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Đoàn Thị C1 có nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn chị C1 đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chị C1 đều vắng mặt. Ngày 06/5/2024, chị C1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Trong văn bản này, chị C1 nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh C và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, vắng mặt chị C1. Đối với, nguyên đơn, anh C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn anh C thì anh và chị C1 đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/7/2013,

do đó hôn nhân giữa anh **C** và chị **C1** là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, và trầm trọng nhất từ năm 2018, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống trái ngược nhau về quan điểm sống nên thường xung đột, cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cả anh **C** và chị **C1** đều thừa nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “...*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác...*”. Mục đích của hôn nhân là sự hạnh phúc, vợ chồng cùng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung... là hợp đạo lý, phù hợp với điều kiện cuộc sống hiện tại của hai bên và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân giữa anh **C** và chị **C1** không đạt được. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh **C** và chị **C1** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của anh **C**, xử cho anh **C** được ly hôn chị **C1** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh **C** và chị **C1** có hai con chung **Ngô Đoàn Mạnh C2**, sinh ngày 11/4/2014 (hiện đang sinh sống cùng anh **C**) và **Ngô Đoàn Khánh P**, sinh ngày 17/5/2018 (hiện đang sinh sống cùng chị **C1**). Quá trình giải quyết vụ án, anh **C** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Ngô Đoàn Mạnh C2**, giao con **Ngô Đoàn Khánh P** cho chị **C1** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị **C1** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh **C** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng) đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hiện tại các con chung đều còn nhỏ, con **Ngô Đoàn Mạnh C2** từ trước đến nay đều do anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; con **Ngô Đoàn Khánh P** từ trước đến nay đều do chị **C1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của các con chung cũng như chia sẻ trong việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cần giao cho anh **C** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Ngô Đoàn Mạnh C2**; giao cho chị **C1** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Ngô Đoàn Khánh P**; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn, nguyện vọng của con; phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo thừa nhận của nguyên đơn anh **C** và bị đơn chị **C1** thì anh, chị thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho anh **Ngô Đăng C** được ly hôn chi **Đoàn Thị C1**.
 2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung **Ngô Đoàn Mạnh C2**, sinh ngày 11/4/2014 cho anh **Ngô Đăng C** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con **Ngô Đoàn Khánh P**, sinh ngày 17/5/2018 cho chị **Đoàn Thị C1** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh **Ngô Đăng C** và chị **Đoàn Thị C1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **C** và chị **C1** thì thống nhất thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh **Ngô Đăng C** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0000045 ngày 02/4/2024 (anh **Ngô Đăng C** đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh **Ngô Đăng C** và bị đơn chị **Đoàn Thị C1** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Đức Hóa (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tuấn

